

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
194 Nguyễn Công Trứ, Lầu 5, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2009

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
Năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MỤC LỤC

I.	Lịch sử hoạt động của công ty	3
II.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	4
III.	Báo cáo của Ban Giám đốc	5
IV.	Báo cáo Tài chính	9
V.	Giải trình Báo cáo Tài chính và Báo cáo Kiểm toán	26
VI.	Các công ty liên quan	26
VII.	Tổ chức và Nhân sự	27
VIII.	Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty	29

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Quá trình thành lập

- Công ty Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập ngày 22/12/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động ngày 28 tháng 12 năm 2006, được SGDCK TP công nhận tư cách thành viên ngày 05/04/2007, trở thành thành viên của TTGDCK HN ngày 14/05/2007, chứng nhận thành viên lưu ký ngày 07/02/2007.

- Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên môi giới chứng khoán, có đầy đủ các chứng chỉ hành nghề luật định, thực hiện nghiệp vụ môi giới theo các quy trình nội bộ, và các quy trình liên quan tới các bên liên quan. Dịch vụ môi giới đã đáp ứng yêu cầu về mua bán chứng khoán tại hai sàn giao dịch. Đảm bảo quy trình mở tài khoản, quản lý lệnh giao dịch, thực hiện giao dịch, theo dõi hệ thống tài khoản, hoàn tất công đoạn thanh toán bù trừ đối với các giao dịch của khách hàng.

Các sự kiện khác:

Năm 2009, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới Chứng khoán
- Lưu ký Chứng khoán

2.2. Tình hình hoạt động:

- Nghiệp vụ Môi giới chứng khoán:

Do đặc thù thị trường giao dịch suy giảm năm 2008/2009, hoạt động môi giới chứng khoán của công ty được tiến hành ở quy mô rất hạn chế. Công ty chỉ mở tài khoản và phục vụ một lượng không nhiều nhà đầu tư.

Tuy vậy, đội ngũ môi giới đã đảm bảo thực hiện thành công toàn bộ số giao dịch chứng khoán của khách hàng. Dần khắc phục các lỗi nghiệp vụ trong quá trình hoạt động, đã áp dụng tốt các yêu cầu của UBCKNN, SGDCKTP.HCM, và TTGDCKHN về quy tắc giao dịch từ xa.

- Nghiệp vụ Lưu ký và Kế toán:

Công ty đã thực hiện tốt các nghiệp vụ thanh toán các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư với các đối tác liên quan. Thực hiện đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kế toán giao dịch với khách hàng và nghiệp vụ kế toán công ty.

Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đã được thực hiện theo đúng các quy trình do công ty ban hành dựa trên các quy trình chuẩn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các thành viên lưu ký yêu cầu.

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên môn vững mạnh để thực hiện tốt nhất các nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính
- Tiến hành mở rộng cơ sở khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc chuẩn bị cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn tốt cho khách hàng.
- Từng bước nâng cao kết quả hoạt động của công ty, nhằm đem lại lợi nhuận cho cổ đông, đảm bảo lợi ích và quyền lợi cho đội ngũ nhân viên.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển quan hệ chiến lược dài hạn với các định chế tài chính, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư, nhằm tối đa hóa các lợi ích của các khách hàng và đối tác
- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, xây dựng một môi trường văn hóa công ty khuyến khích tinh thần doanh nhân, sáng tạo, kỷ luật cao, chia sẻ năng lực, trí tuệ và nguồn lực.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Số lượng khách hàng giao dịch chứng khoán đạt 286 tài khoản (31/12/2009), tỷ lệ tài khoản giao dịch thường xuyên đạt 96.85%.

Mở tài khoản giao dịch thành công cho một số định chế tài chính nước ngoài lớn, từng bước ổn định chất lượng dịch vụ cho khách hàng, và từng bước nâng cao dung lượng giao dịch của khách hàng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung, kế hoạch công ty đặt ra trong năm chưa được thực hiện do yếu tố thị trường biến động bất lợi và quá trình chuẩn bị hoạt động của công ty.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Đội ngũ điều hành và các trưởng phòng ban của công ty đã và đang tích cực tiến hành các hoạt động marketing để tìm kiếm khách hàng cho các nghiệp vụ của công ty.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2010, theo nhận định sẽ tiếp tục là năm khó khăn đối với thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường chứng khoán.

Công ty dự kiến tiếp tục đầu tư sâu vào việc đào tạo, xây dựng đội ngũ, chuẩn bị chuyên môn và kiến thức chuyên ngành cho đội ngũ nhân viên nghiệp vụ.

Định hướng ổn định bộ máy và tiến hành các hoạt động nâng cao cơ sở khách hàng thông qua việc mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm và hợp tác với các đối tác dịch vụ trong và ngoài nước.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/09	31/12/08
- Bố trí cơ cấu vốn			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số Tài sản	%	90.12	80.65
Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	%	9.88	19.35
- Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%		
Tỷ suất lợi nhuận / Vốn	%		
- Tình hình tài chính			
Tỷ lệ Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	8.58	15.65
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	91.42	84.35
Khả năng thanh toán:			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	11.66	6.39
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	10.78	5.24
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9.74	2.61

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số lượng/ tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Những biến động về tỷ lệ vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn		161 Đồng Khởi, lầu 5, Quận 1, Tp.HCM	Tư vấn đầu tư	4,440,000 (tỷ lệ 98,67%)	- Ngày 12/08/2009 giữ 98,29% cổ phần do tăng thêm 10 tỷ vốn điều lệ. - Ngày 27/11/2009 giữ 98,67% cổ phần do tăng thêm 10 tỷ vốn điều lệ.
Ông Hoàng Quốc Hùng	1974	72 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM	Tài chính	12.000 (tỷ lệ 0,26%)	
Ông Đoàn Mạnh Khâm	1972	41/3 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q1, TP.HCM	Tài chính	48.000 (tỷ lệ 1,07%)	

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 4.500.000 cổ phiếu thường
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 4.500.000 cổ phiếu thường
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không có

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đội ngũ, phát triển sản phẩm và tìm kiếm khách hàng. Do vậy, về mặt tài chính, trong năm, chủ yếu các hoạt động diễn ra là chi tiêu đầu tư, đào tạo và mua sắm thiết bị kinh doanh.

Doanh thu hoạt động đạt thấp ở mức 1,7 tỷ Đồng.

Đồng thời, doanh thu từ nghiệp vụ khác chưa phát sinh.

Nhìn chung, năm thứ ba hoạt động, công ty chưa đạt lợi nhuận.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cơ cấu tổ chức: đã hoàn thiện bộ máy quản lý ở các phòng ban trong công ty
- Chính sách: đã xây dựng và đưa vào áp dụng các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm cá nhân ... chính sách phát triển khách hàng, cho toàn thể nhân viên trong công ty.
- Công ty đã xây dựng và triển khai hệ thống quy trình nghiệp vụ đối với các hoạt động, môi giới, lưu ký, kế toán và tư vấn tài chính, tuyển dụng và đào tạo.

3.2. Các biện pháp kiểm soát:

Công ty đã xây dựng các quy trình làm việc và quy trình kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro trong việc thực hiện các nghiệp vụ nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác và hiệu quả trong hoạt động ở các bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

4.1. Phát triển Khách hàng & Thị trường

- Trong năm 2009 và các năm tiếp theo, công ty tiếp tục mở rộng khách hàng đối với các nghiệp vụ của công ty. Về môi giới chứng khoán, công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá sản phẩm, đưa ra các chính sách thu hút khách hàng. Hợp tác với các ngân hàng thương mại để phục vụ khách hàng đầu tư chứng khoán tốt hơn.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng cho nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, định hướng tư vấn cho các công ty trong nước và nước ngoài đối với các giao dịch liên quan tới đầu tư, phát hành và giao dịch chứng khoán.

4.2. Sản phẩm & Dịch vụ

- Cung cố dịch vụ môi giới chứng khoán
- Mở rộng thị trường qua các kênh dịch vụ tài chính liên quan - bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư cá nhân.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ khách hàng đầu tư chứng khoán tốt hơn.

4.3. Tăng vốn kinh doanh

Trong năm 2009, công ty đã tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ lên 45 tỷ Đồng để đáp ứng yêu cầu về vốn điều lệ của Công ty Chứng khoán thực hiện nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.

Vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng để đầu tư tiếp cho các hoạt động hiện tại của công ty, nhất là đầu tư vào đào tạo nhân sự và xây dựng hệ thống nghiệp vụ chuẩn hoá.

5. Cam kết của Ban giám đốc về Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

(đã được kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		21,227,853,537	10,679,036,022
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19,176,969,688	5,308,698,856
1. Tiền	111		19,176,969,688	5,308,698,856
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.7	1,832,250,000	5,089,981,272
1. Phải thu khách hàng	131		14,000,000	9,617,627
2. Trả trước cho người bán	132		-	62,028,200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		1,818,250,000	5,018,335,445
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	218,633,849	280,355,894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		188,670,294	245,578,370
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		29,963,555	34,777,524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2,327,395,768	2,561,373,929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
II. Tài sản cố định	220		1,941,376,843	2,202,664,155
1. TSCĐ hữu hình	221	V.3.1	1,397,893,843	1,733,645,655
- Nguyên giá	222		2,214,512,692	2,218,759,537
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(816,618,849)	(485,113,882)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.3.2	543,483,000	469,018,500
- Nguyên giá	228		815,022,000	603,204,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(271,539,000)	(134,185,500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		386,018,925	358,709,774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.6	169,019,925	141,710,774
4. Tài sản dài hạn khác	268		216,999,000	216,999,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23,555,249,305	13,240,409,951

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2,019,879,901	2,072,016,206
I. Nợ ngắn hạn	310		1,968,779,901	2,037,316,206
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		7,734,836	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	98,878,369	27,670,292
5. Phải trả người lao động	315		2,000,000	335,910,400
6. Chi phí phải trả	316	V.8	459,299,057	26,008,253
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.9	1,368,909,630	1,641,731,506
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		370,900	-
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.10	31,587,109	5,995,755
II. Nợ dài hạn	330		51,100,000	34,700,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		51,100,000	34,700,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		21,535,369,404	11,168,393,745
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.11	21,535,369,404	11,168,393,745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(23,464,630,596)	(13,831,606,255)
II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23,555,249,305	13,240,409,951

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	12,327,560,000	9,037,530,000
- Chứng khoán giao dịch	007	12,327,560,000	9,037,530,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	11,735,230,000	9,037,530,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	592,330,000	
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		
- Chứng khoán cầm cố	017		
- Chứng khoán tạm giữ	022		
- Chứng khoán chờ thanh toán	027		
- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		
- Chứng khoán chờ giao dịch	037		
- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		
- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
- Chứng khoán giao dịch	051		
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		
- Chứng khoán cầm cố	061		
- Chứng khoán tạm giữ	066		
- Chứng khoán chờ thanh toán	071		
- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		
- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		
10. Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá	084		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu	01	VI.1	1,750,312,741	2,038,303,860
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1,469,989,485	1,562,231,371
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		280,323,256	476,072,489
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		1,750,312,741	2,038,303,860
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	4,122,419,913	3,326,555,049
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(2,372,107,172)	(1,288,251,189)
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,260,792,616	6,731,625,399
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(9,632,899,788)	(8,019,876,588)
8 Thu nhập khác	31		-	9,365,687
9 Chi phí khác	32		124,553	14,339,079
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(124,553)	(4,973,392)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9,633,024,341)	(8,024,849,980)
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(9,633,024,341)	(8,024,849,980)
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2,141)	(3,210)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh	01	1,725,419,466	1,288,053,177
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1,468,665,836)	(2,869,767,472)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(22,751,210)	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	267,423,457,412	184,817,707,304
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(267,708,768,902)	(186,210,507,503)
Tiền thu bán chứng khoán khách hàng	08	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1,739,902,689)	(1,408,950,405)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(5,598,605,122)	(4,460,439,863)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	23,313,074,067	11,933,651,468
Tiền chi khác	15	(22,314,989,764)	(16,940,390,619)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6,391,732,578)	(13,850,643,913)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(15,761,905)	(204,940,852)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	275,765,315	412,868,436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	260,003,410	207,927,584
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	20,000,000,000	13,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20,000,000,000	13,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	13,868,270,832	(642,716,329)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>5,308,698,856</i>	<i>5,951,415,185</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>19,176,969,688</u>	<u>5,308,698,856</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Tổng số Công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty: 24 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 4 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định có liên quan hiện hành

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941 VND/USD

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : dựa vào đánh giá của Hội đồng Quản trị hoặc ban Tổng giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

6. Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: phí giao dịch, lưu ký chứng khoán; chi phí kiểm toán; tiền lương, ...

8. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

9.1 Doanh thu kinh doanh chứng khoán

Doanh thu kinh doanh chứng khoán được ghi nhận khi phát sinh khoản thu cung cấp dịch vụ của các hoạt động dịch vụ chứng khoán (thu phí môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, chiết khấu chứng khoán bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, và các loại phí khác...)

9.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	18,578,256	3,866,062
Tiền gửi ngân hàng	17,752,635,345	3,653,422,297
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKK	17,318,391,462	3,496,258,017
Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ	226,635,474	89,323,224
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	207,608,409	67,841,056
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	1,405,756,087	1,651,410,497
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKK	895,553,173	1,648,026,162
Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ	510,202,914	3,384,335
Tổng Cộng	19,176,969,688	5,308,698,856

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
a). Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b). Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	17,507,770	685,582,113,000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	1,104,850	16,292,607,000
Tổng cộng	18,612,620	701,874,720,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

3. Tài sản cố định

3.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2,218,759,537	-	2,218,759,537
- Mua trong năm	-	15,761,905	-	15,761,905
- DT XDCB h. thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	20,008,750	-	20,008,750
Số dư cuối năm	-	2,214,512,692	-	2,214,512,692
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	485,113,882	-	485,113,882
- Khấu hao trong năm	-	338,889,166	-	338,889,166
- Chuyển sang BĐS	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	7,384,199	-	7,384,199
Số dư cuối năm	-	816,618,849	-	816,618,849
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	1,733,645,655	-	1,733,645,655
Số dư cuối năm	-	1,397,893,843	-	1,397,893,843

* Giá trị nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

3.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	603,204,000	603,204,000
- Mua trong năm	-	-	211,818,000	211,818,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	815,022,000	815,022,000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	134,185,500	134,185,500
- Khấu hao trong năm	-	-	137,353,500	137,353,500
- Tăng khác	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	271,539,000	271,539,000
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	-	469,018,500	469,018,500
Số dư cuối năm	-	-	543,483,000	543,483,000

4. Tài sản ngắn hạn khác

4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2009	Năm 2008
Máy vi tính, dây cáp, thiết bị đầu cuối	4,740,908	8,244,777
Chi phí quảng cáo	-	3,500,000
Chi phí ban đầu trước khi thành lập	-	36,157,271
Chi phí chờ phân bổ khác	183,929,386	36,302,200
Chi phí thuê nhà trả trước	-	152,883,000
Chi phí công cụ dụng cụ	-	8,491,122
Cộng	188,670,294	245,578,370

4.2 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng	23,463,555	28,177,524
Ký quỹ, ký cược	6,500,000	6,600,000
Cộng	29,963,555	34,777,524

5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	98,878,369	27,670,292
Cộng	98,878,369	27,670,292

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	40,656,178	17,904,968
Tiền lãi phân bổ trong năm	8,363,747	3,805,806
Cộng	169,019,925	141,710,774

7. Các khoản phải thu

	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
1. Phải thu khách hàng	71,645,827	14,000,000	71,645,827	14,000,000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-
5. Phải thu khác	5,018,335,445	20,088,994,056	23,289,079,501	1,818,250,000
Tổng cộng	5,089,981,272	20,102,994,056	23,360,725,328	1,832,250,000
8. Chi phí phải trả			31/12/2009	01/01/2009
Phí giao dịch, lưu ký phải trả TTGD và TTLK			8,017,140	6,008,253
Phải trả phí kiểm toán			32,000,000	20,000,000
Ước lương tháng 13 cho nhân viên			419,281,917	-
Cộng			459,299,057	26,008,253
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			31/12/2009	01/01/2009
Hoàng Quốc Huy			28,500,000	-
Nguyễn Thị Kim Tuyết			54,500,000	-
Nguyễn Thanh Liêm			205,500,000	281,206,404
Đặng Minh Phương			-	147,709,092
Nguyễn Hoàng Công			-	100,135,727
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Song Ngân			-	54,039,582
Các nhà đầu tư khác			1,080,409,630	1,058,640,701
Cộng			1,368,909,630	1,641,731,506
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			31/12/2009	01/01/2009
Bảo hiểm xã hội			18,833,727	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác			12,753,382	5,995,755
Cộng			31,587,109	5,995,755
11. Vốn chủ sở hữu				
a). Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:				
Vốn chủ sở hữu	Vốn góp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm	25,000,000,000	(13,831,606,255)	11,168,393,745	
- Tăng vốn trong năm	20,000,000,000	-	20,000,000,000	
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	(9,633,024,341)	(9,633,024,341)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

- Giảm vốn trong năm	-	-	-
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-
- Chia thưởng năm 2009	-	-	-
Số dư cuối năm	45,000,000,000	(23,464,630,596)	21,535,369,404

b). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	
	Tỷ lệ	Vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	98.67%	44,400,000,000
Ông Hoàng Quốc Hùng	0.26%	120,000,000
Ông Đoàn Mạnh Khâm	1.07%	480,000,000
Tổng cộng	100%	45,000,000,000

c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25,000,000,000	12,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	20,000,000,000	13,000,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45,000,000,000	25,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d). Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,500,000	2,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,500,000	2,500,000
Cổ phiếu phổ thông	4,500,000	2,500,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,500,000	2,500,000
Cổ phiếu phổ thông	4,500,000	2,500,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1,469,989,485	1,562,231,371
Doanh thu khác	280,323,256	476,072,489
Tổng Cộng	1,750,312,741	2,038,303,860
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1,750,312,741	2,038,303,860

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

	Năm 2009	Năm 2008
2. Chi phí hoạt động kinh doanh		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	219,208,400	302,723,048
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	4,943,050	3,147,554
Chi phí khác	3,898,268,463	3,020,684,447
Tổng Cộng	4,122,419,913	3,326,555,049

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo: *Không có*
2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: *Không có*

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên báo cáo tài chính của năm 2009 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong kỳ	Số dư 31/12/2009 Phải thu/(Phải trả)
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tâm Nhìn	Công ty mẹ	Trả tiền vay	3,200,000,000	1,800,000,000

3. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

4. Những thông tin khác

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	90.12	80.65
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	9.88	19.35
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	8.58	15.65
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	91.42	84.35
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	11.66	6.39
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	10.78	5.24
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9.74	2.61

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 3, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 9.305.163 Fax: (84.8) 9.304.281

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Thống nhất với ý kiến Công ty Kiểm toán.

- Các nhận xét đặc biệt: không có

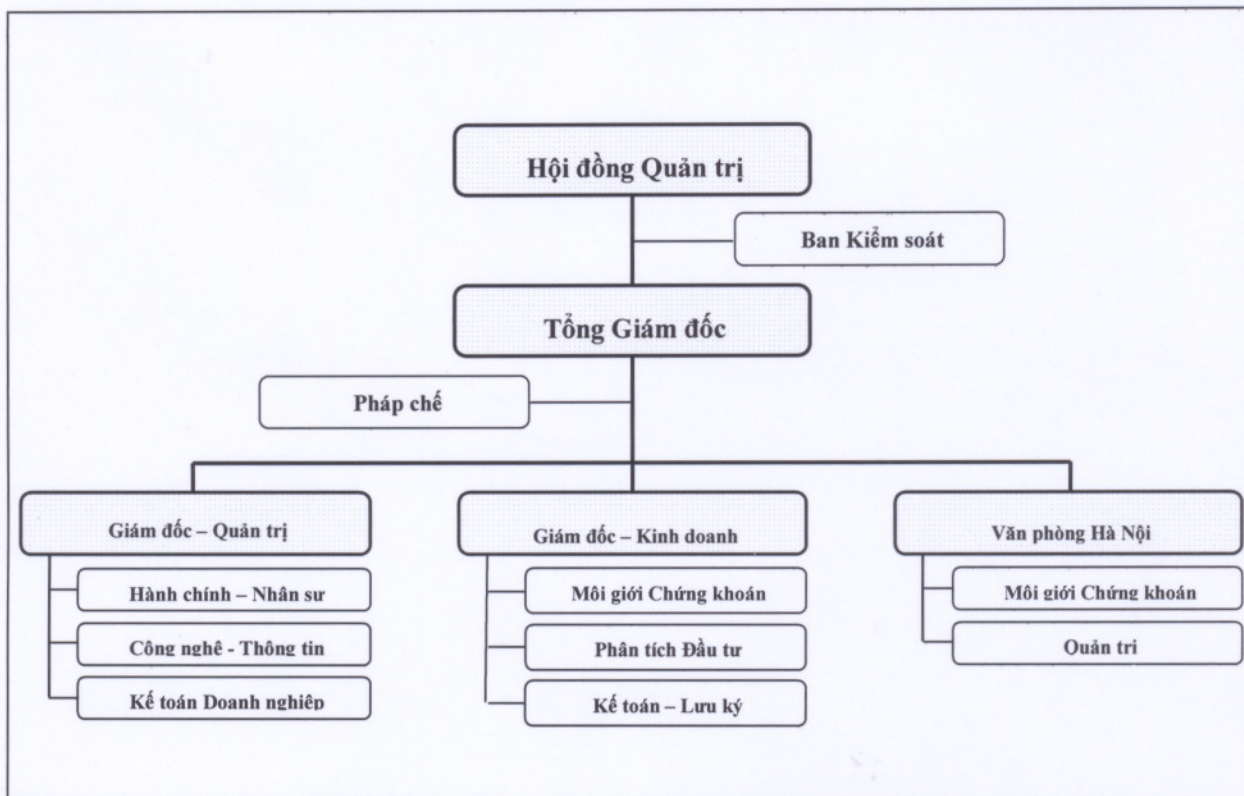
VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tầm Nhìn nắm giữ 98,67% . Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tầm Nhìn là cổ đông sáng lập.

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Điều hành công ty: Tổng Giám đốc Hoàng Quốc Hùng

Tóm tắt Lý lịch:

- 1) Họ và tên: **HOÀNG QUỐC HÙNG**, Giới tính: Nam
- 2) Ngày, tháng, năm sinh: 17 tháng 12 năm 1974
- 3) Nơi sinh: Thanh Hóa
- 4) Quốc tịch: Việt Nam
- 5) Số chứng minh nhân dân: 024781140 do CA.HCM cấp ngày 13/12/2007
- 6) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 72 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- 7) Chỗ ở hiện tại: 72 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- 8) Trình độ văn hoá: 12/12
- 9) Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA)

10) Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1994 – 1998	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại	Không	Không
2003 – 2005	Viện phát triển Hàn Quốc, Trường Quản lý Kinh doanh Seoul, Hàn Quốc	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA)	Không	Không

11) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1998 – 2002	Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Biệt phái công tác tại vụ Thanh tra, UBCKNN	Không	Không
2003	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông	Trưởng phòng Hành chính	Không	Không
12/2004	Công ty TNHH Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam)	Nhân viên ban tài chính doanh nghiệp	Không	Không
2005 - nay	Horizon Capital Advisers Co., Ltd	Giám đốc Kinh doanh	Không	Không
2008 - nay	Công ty CP Chứng khoán Tầm Nhìn	Tổng giám đốc	Không	Không

12) Quan hệ nhân thân:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Bố: Hoàng Kim Đắc	13/04/1939	170144935	Khu II, Thị trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Hưu trí	
Mẹ: Trương Thị Yên	01/12/1940	170258915	Khu II, Thị trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Hưu trí	

Vợ: Nguyễn Thị Thu Hà	11/05/1977	024781153	72 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Công ty Victoria, Tp. HCM	Nhân viên
Chị ruột: Hoàng Thị Oanh	14/07/1971	171430679	Khu II, Thị trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Tiểu thương	
Em: Hoàng Quốc Huy	05/09/1977	171849098	Khu II, Thị trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Tiểu thương	

3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: không có

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

- Tiền lương của Tổng giám đốc được quy định tại hợp đồng lao động ký giữa với Chủ tịch hội đồng quản trị.
- Trong năm 2009, do hoạt động kinh doanh chưa có lãi, đồng thời không có thành tích đáng kể trong mọi mặt, công ty không trả tiền thưởng cho ban điều hành.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ nhân viên: 24
- Các chính sách đối với người lao động:
 - Trả lương sau thuế (công ty chịu thuế thu nhập, BHXH, BHYT)
 - Thưởng theo quý, năm, các ngày Lễ, Tết ... hình thức thưởng linh hoạt
 - Nhân viên được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 (với mức bồi thường lên đến 30 tháng lương của người được bảo hiểm)
 - Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm
 - Được hỗ trợ toàn bộ học phí các lớp đào tạo về chứng khoán cũng như thi lấy chứng chỉ hành nghề
 - Được tham dự các khóa đào tạo kỹ năng và đào tạo chuyên môn theo yêu cầu của công việc

6. Thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

Thay đổi thành viên HĐQT: không có

Thay đổi ban giám đốc: không có

VIII. Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Hội đồng Quản trị Công ty:

Chủ tịch HĐQT: ông Đoàn Mạnh Khâm

Thành viên HĐQT: ông Hoàng Quốc Hùng

Thành viên HĐQT: ông Lâm Bảo Quang

- Hoạt động của HĐQT:

Theo quy định tại điều lệ công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò định hướng phát triển và đề ra chiến lược cho công ty

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Không – Do quy mô cổ đông, nên công ty không hình thành các tiểu ban.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

Kiểm tra các hoạt động của phòng, ban đảm bảo việc tuân thủ các quy trình và chính sách chung của công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

Trong năm 2009, công ty hoạt động chưa có lãi nên Đại hội đồng cổ đông quyết định không chia thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

1/3 số Thành viên Hội đồng Quản trị đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các thành viên hội đồng quản trị đã có trình độ thạc sĩ Quản trị Kinh doanh do nước ngoài đào tạo.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/đại diện phần vốn góp của Thành viên HĐQT:

Họ tên	Đại diện	Số lượng/ tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến 31/12/2008
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tầm Nhìn	Ông Đoàn Mạnh Khâm	4.440.000 (98,67%)
Ông Hoàng Quốc Hùng	Tổng Giám Đốc	12.000 (0,26%)
Ông Đoàn Mạnh Khâm	Chủ tịch HĐQT	48.000 (1,07%)

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

100% cổ đông trong nước góp vốn thành lập công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số lượng/ tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Những biến động về tỷ lệ vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn		161 Đồng Khởi, lầu 5, Quận 1, Tp.HCM	Tư vấn đầu tư	4.440.000 (tỷ lệ 98,67%)	- Ngày 12/08/2009 giữ 98,29% cổ phần do tăng thêm 10 tỷ vốn điều lệ. - Ngày 27/11/2009 giữ 98,67% cổ phần do tăng thêm 10 tỷ vốn điều lệ..
Ông Hoàng Quốc Hùng	1975	72 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM	Tài chính	12.000 (tỷ lệ 0,26%)	
Ông Đoàn Mạnh Khâm	1972	41/3 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q1, TP.HCM	Tài chính	48.000 (tỷ lệ 1,07%)	

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Cổ đông nước ngoài: Không có

(Tổng) Giám đốc *m*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



H
Hoang Quoc Hung

Toà nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Tầng 5,
Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: +84.8 914 7027 Fax: +84.8 914 7020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2009

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	10,679,036,022	21,227,853,537
1	Tiền	5,308,698,856	19,176,969,688
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
	- Chứng khoán tự doanh		
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	5,089,981,272	1,832,250,000
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	280,355,894	218,633,849
II	Tài sản dài hạn	2,561,373,929	2,327,395,768
1	Tài sản cố định	2,202,664,155	1,941,376,843
	- Tài sản cố định hữu hình	1,733,645,655	1,397,893,843
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	469,018,500	543,483,000
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	358,709,774	386,018,925
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	13,240,409,951	23,555,249,305
IV	Nợ phải trả	2,072,016,206	2,019,879,901
1	Nợ ngắn hạn	2,037,316,206	1,968,779,901
2	Nợ dài hạn	34,700,000	51,100,000
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	11,168,393,745	21,535,369,404
1	Vốn góp ban đầu	25,000,000,000	45,000,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(13,831,606,255)	(23,464,630,596)
4	Vốn điều chỉnh		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	13,240,409,951	23,555,249,305


II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	1,750,312,741	2,038,303,860
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần	1,750,312,741	2,038,303,860
4	Thu lãi đầu tư		
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	1,750,312,741	2,038,303,860
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	4,122,419,913	3,326,555,049
7	Lợi nhuận gộp	(2,372,107,172)	(1,288,251,189)
8	Chi phí quản lý	7,260,792,616	6,731,625,399


STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(9,632,899,788)	(8,019,876,588)
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	(124,553)	(4,973,392)
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	(9,633,024,341)	(8,024,849,980)
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)		(8,024,849,980)
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
14	Lợi nhuận sau thuế	(9,633,024,341)	(8,024,849,980)
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)		
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		19.35	9.88
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		80.65	90.12
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		15.65	8.58
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		84.35	91.42
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2.61	9.74
	- Khả năng thanh toán hiện hành		6.39	11.66
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở			

Tổng Giám đốc (Giám đốc) 
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)




Hoang Quoc Hung

Số:.....

V/v báo cáo hoạt động kinh doanh
năm 2009

Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2010

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia**

I. Tổ chức và nhân sự công ty trong năm

1. Tổ chức công ty:

- Triển khai mở hoặc đóng các chi nhánh, phòng giao dịch, đại lý nhận lệnh, văn phòng đại diện:

Năm 2009, công ty chưa triển khai mở các chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đại lý nhận lệnh. Tất cả các hoạt động kinh doanh được thực hiện trực tiếp từ văn phòng hội sở của Công ty.

- Thay đổi tên Công ty: Không

- Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty: Không

2. Tình hình nhân sự công ty

2.1. Thay đổi thành viên HĐQT: Không

2.2. Thay đổi thành viên Ban giám đốc: Không

2.3. Thay đổi số lượng người làm việc trong công ty:

Đối tượng	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu kỳ	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm cuối kỳ	Số lượng người thôi làm việc cho công ty trong kỳ	Số lượng người tuyển mới trong kỳ
Ban Giám đốc	1/1	1/1	0	0
Bộ phận môi giới	7/13	5/11	5	3

Bộ phận tự doanh	0	0	0	0
Bộ phận bảo lãnh phát hành	0	0	0	0
Bộ phận tư vấn	0	0	0	0
Bộ phận lưu ký	1/4	1/3	2	1
Tổng số	9/17	7/14	7	4

**Ghi chú: số liệu của bảng này là số liệu của toàn công ty (bao gồm tất cả các địa điểm kinh doanh của công ty)*

Danh sách nhân viên đã đạt các kỳ thi sát hạch:

STT	Họ và tên	Chứng chỉ hành nghề			Ngày thi
		Môi giới	Tự doanh	Quản lý quỹ	
1	Hoàng Quốc Hùng			x	2008
2	Lê Thị Mỹ Lý	x		x	07/2007 , 08/2008
3	Nguyễn Thị Thu Hà		x	x	25/11/2007
4	Bùi Thị Thùy Trang		x	x	25/11/2007
5	Phạm Thị Thoan		x	x	25/11/2007
6	Lê Thị Phượng Trân		x		25/11/2007
7	Trần Anh Viễn		x		2009

Tính đến thời điểm cuối tháng 12 năm 2009, toàn bộ công ty có 6 cán bộ đã thi đỗ kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới, tự doanh, tư vấn và quản lý tài sản.

II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty

S T T	Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp	Số giấy CMND/ Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn (%)	Nội dung thay đổi tỷ lệ sở hữu	Ngày thay đổi
1	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	4102035252	161 Đồng Khởi, lầu 5, Quận 1, TP. HCM	99,1%	Tăng 500.000 CP ($\approx 0.60\%$)	17/02/2009
					Tăng 1.000.000 CP ($\approx 0.69\%$)	12/8/2009
					Tăng 1.000.000 CP ($\approx 0.38\%$)	27/11/2009

* Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.

III. Vốn điều lệ và các chỉ tiêu an toàn tài chính của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

Năm 2009, vốn điều lệ công ty tăng có sự thay đổi như sau:

- Ngày 12 /08/2009: Vốn điều lệ tăng từ 25 tỷ Đồng lên 35 tỷ Đồng.
- Ngày 27/11/2009: Vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ Đồng lên 45 tỷ Đồng.

Tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm 2009:

Tháng	Vốn khả dụng	Tổng vốn nợ điều chỉnh	Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng vốn nợ điều chỉnh
1	7,521,138,549	33,112,278	22714%
2	6,881,644,300	64,312,476	10700%
3	5,264,584,016	82,319,643	6395%
4	4,735,772,577	122,919,829	3853%

II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty

S T T	Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp	Số giấy CMND/ Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn (%)	Nội dung thay đổi tỷ lệ sở hữu	Ngày thay đổi
1	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	4102035252	161 Đồng Khởi, lầu 5, Quận 1, TP. HCM	99,1%	Tăng 500.000 CP ($\approx 0.60\%$)	17/02/2009
					Tăng 1.000.000 CP ($\approx 0.69\%$)	12/8/2009
					Tăng 1.000.000 CP ($\approx 0.38\%$)	27/11/2009

* Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.

III. Vốn điều lệ và các chỉ tiêu an toàn tài chính của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

Năm 2009, vốn điều lệ công ty tăng có sự thay đổi như sau:

- Ngày 12 /08/2009: Vốn điều lệ tăng từ 25 tỷ Đồng lên 35 tỷ Đồng.
- Ngày 27/11/2009: Vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ Đồng lên 45 tỷ Đồng.

Tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm 2009:

Tháng	Vốn khả dụng	Tổng vốn nợ điều chỉnh	Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng vốn nợ điều chỉnh
1	7,521,138,549	33,112,278	22714%
2	6,881,644,300	64,312,476	10700%
3	5,264,584,016	82,319,643	6395%
4	4,735,772,577	122,919,829	3853%

5	4,267,078,873	100,683,239	4238%
6	3,544,353,576	305,401,740	1161%
7	13,074,454,379	140,835,064	9284%
8	12,408,602,293	175,233,426	7081%
9	21,520,149,927	219,329,914	9812%
10	20,887,006,104	251,630,743	8301%
11	20,189,387,101	300,063,384	6728%
12	18,954,441,218	641,519,454	2955%

Tình hình thay đổi nắm giữ cổ phiếu quỹ trong năm: Công ty chưa có CP quỹ.

Các chỉ tiêu an toàn tài chính khác:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/08	31/12/09
- Bố trí cơ cấu vốn			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số Tài sản	%	80,65	90,12
Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	%	19,35	9,88
- Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%		
Tỷ suất lợi nhuận / Vốn	%		
- Tình hình tài chính			
Tỷ lệ Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	15,65	8,58
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	84,35	91,42
Khả năng thanh toán:			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,39	11,66
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,24	10,78
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,61	9,74

IV. Cơ sở vật chất trong năm báo cáo

Báo cáo cụ thể những thay đổi nâng cấp về cơ sở vật chất kỹ thuật trong năm bao gồm:

- Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; Không
- Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng;
 - + Hai Server IBM x 3650: dùng cho giao dịch trực tuyến với HOSE và giao dịch từ xa với HNX
 - + Hai router cisco 2811 và 876 dùng trong giao dịch từ xa với HNX

+ Switch Linksys 24 ports dùng trong giao dịch từ xa với HNX

- Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống;
Hệ thống giao dịch trực tuyến HOSEGW
- Đầu tư kho kết cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ; Không
- Các đầu tư cơ sở vật chất khác;
Hệ thống camera và thẻ từ

V. Hoạt động của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

5.1. Hoạt động môi giới chứng khoán

5.1.1 Số lượng tài khoản

Loại khách hàng		Đầu kỳ	Phát sinh trong năm		Cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
Trong nước	Cá nhân	249	40	22	267
	Tổ chức	2	2	0	4
Nước ngoài	Cá nhân	7	1	0	8
	Tổ chức	4	3	0	7
Tổng		262	46	22	286

5.1.2 Giao dịch tài khoản môi giới trong năm

a) Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong kỳ	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong kỳ	Tổng giá trị mua trong kỳ	Tổng giá trị bán trong kỳ
1. Cổ phiếu	8.740.750	8.762.020	293.597.965.000	391.940.148.000
2. Trái phiếu	0	0	0	0
3. Chứng chỉ quỹ	84.140	1.025.710	749.607.000	15.587.000.000
Tổng:	8.824.890	9.787.730	294.347.572.000	407.527.148.000

b) Môi giới chứng khoán chưa niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong kỳ	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong kỳ	Tổng giá trị mua trong kỳ	Tổng giá trị bán trong kỳ
1. Cổ phiếu	22.240	69.240	281.860.000	901.568.000
2. Trái phiếu	0	0	0	0
3. Chứng chỉ quỹ	0	0	0	0
Tổng:	22.240	69.240	281.860.000	901.568.000

5.1.3 Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động:

- a) Từ Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh: **1.220.573.028**
- b) Từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: **258.788.510**
- c) Từ môi giới chứng khoán khác: **2.439.606**

5.1.4 Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới:

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và tình hình khắc phục lỗi: 01 (một) lỗi giao dịch và đã xin phép hủy giao dịch thỏa thuận.

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và tình hình khắc phục lỗi: 0 (không) lỗi giao dịch.

5.2 Hoạt động tự doanh chứng khoán (Không có)

Loại CK	Số dư đầu kỳ		Tổng mua trong kỳ		Tổng bán trong kỳ		Dư cuối kỳ	
	KL	GT	KL	GT	GT	KL	KL	GT
Cổ phiếu niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
Chứng chỉ quỹ niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
Trái phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0

* Giá trị tính theo giá giao dịch.

5.3 Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán (Không có)

Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Khối lượng bảo lãnh cam kết	Giá bảo lãnh cam kết	Tổng giá trị bảo lãnh cam kết	Vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán vào thời điểm nhận bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh thực tế
0	0	0	0	0	0	0	0

5.4 Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

Số hợp đồng tồn	Số hợp đồng đã	Số hợp đồng ký	Số hợp đồng còn	Phí thu được
-----------------	----------------	----------------	-----------------	--------------

từ đầu kỳ	thanh lý trong kỳ	mới trong kỳ	hiệu lực cuối kỳ	trong kỳ
0	0	0	0	0

5.5 Các hoạt động khác trong năm

- Hoạt động repo chứng khoán: (Không có)
- Hoạt động tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết: (Không có)
- Hoạt động tư vấn và dịch vụ khác: (Không có)

Bảng kê cho các báo cáo nêu tại điểm a,b,c trên đây

Đơn vị : Triệu Đồng

TT	Thời gian Nội dung	Đầu kỳ		Trong kỳ				Cuối kỳ		Ghi chú
		Số lượng hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Hợp đồng đã thanh lý		Hợp đồng ký mới		Số lượng hợp đồng	Giá trị hợp đồng	
				Số lượng	giá trị	Số lượng	Giá trị			
1	Repo chứng khoán	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tư vấn phát hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tư vấn niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tư vấn cổ phần hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Tư vấn và dịch vụ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:	0	0	0	0	0	0	0	0	0

VI. Báo cáo về các vấn đề cần thiết khác (nếu có)

VII. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Kiểm soát


(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thị Phương Trần

(Tổng) Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)




Hoàng Quốc Hưng